

**BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**
-----000-----

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**

Hà Nội, Tháng 02/2023

**BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**

-----o0o-----

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**

Hà Nội, Tháng 02/2023

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2023

Số: 28/QĐ-CTHN

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng
Công nghệ và Thương mại Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

- Căn cứ vào Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014 và văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ quy định “Điều lệ trường cao đẳng” được ban hành theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Nhà Trường quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT;
- Căn cứ kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản “Về việc: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trường nhiệm kỳ 2018-2023, ngày 16/12/2022”.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở của Điều lệ Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội ban hành ngày 05 tháng 03 năm 2018.

Điều 2: Kể từ ngày ban hành Điều lệ này, Điều lệ này sẽ thay thế cho Điều lệ tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội đã ban hành tại Quyết định số 82/QĐ-CTHN ngày 05 tháng 03 năm 2018.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2023.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám hiệu, các đơn vị liên quan và Cổ đông của Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB & XH (để báo cáo)
- Sở LĐ-TB & XH (để báo cáo)
- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông của Nhà trường
- Lưu: TC-HC-TH.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ
VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**

- Căn cứ vào Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014 và văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ quy định “Điều lệ trường cao đẳng” được ban hành theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐ ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Điều lệ này được sửa đổi và thông qua bởi các cổ đông ngày 11/01/2023.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. HÌNH THỨC, TÊN GỌI VÀ ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ

1. Trường là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc loại hình Trường cao đẳng tư thục, thuộc sở hữu của các cá nhân, do cá nhân tự đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và được toàn quyền tự chủ trong tổ chức hoạt động.

2. Tên Trường:

TRƯỜNG CAO ĐẲNG

CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Tên giao dịch quốc tế :

HANOI COLLEGE OF TECHNOLOGY AND

TRADING

Tên viết tắt:

HTT

3. Trụ sở Trường: Số 252, đường Hạ Hội, Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại:

024.33630245

Website: htt.edu.vn

ĐIỀU 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA TRƯỜNG

1. Tiền thân của Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội là Trường dạy nghề dân lập Bách nghệ Hà Tây được thành lập theo Quyết định số 1170/QĐ/UB ngày 15/8/2003 của UBND tỉnh Hà Tây. Năm 2007, Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Bách nghệ Tây Hà theo Quyết định số 7273/QĐ-BGDĐT ngày 13/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2013, Trường Cao đẳng Bách nghệ Tây Hà được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội theo Quyết định số 2168/QĐ-BGDĐT ngày 19/6/2013 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào Tạo. Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo quy định pháp luật.

2. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại, ngân hàng quốc doanh, kho bạc Nhà nước.

3. Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội là Trường tư thực, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường được tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

ĐIỀU 3. MỤC TIÊU VÀ SỨ MẠNG CỦA TRƯỜNG

Xây dựng Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có năng lực thực hành cao ở đa ngành, đa nghề, đa cấp trình độ trong các lĩnh vực công nghệ, thương mại và dịch vụ; có trách nhiệm nghề nghiệp, có tình yêu nghề, có ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp; có khả năng sáng tạo, có khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc hội nhập quốc tế cao; có đạo đức, sức khỏe, đảm bảo nâng cao năng suất lao động, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, cho khu vực và quốc tế.

ĐIỀU 4. NHIỆM VỤ CỦA TRƯỜNG

1. Đào tạo nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp, có năng lực thích ứng với yêu cầu việc làm trong xã hội, có khả năng tự tạo việc làm cho mình và cho những người khác; có khả năng hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; kết hợp đào tạo và nghiên cứu khoa học với sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên; xây dựng đội ngũ giảng viên của Trường đủ về số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề theo quy định.

4. Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề đào tạo của Trường theo quy định;

5. Chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, đào tạo và quản lý người học theo quy định.

6. Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi văn bằng, chứng chỉ; quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và gia đình để quản lý người học, trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan

đến tìm và giới thiệu việc làm, địa điểm và cơ sở thực tập phù hợp cho các học sinh, sinh viên của Trường.

8. Thực hiện dân chủ, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động tài chính.

9. Quản lý, sử dụng các nguồn nhân lực; quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính của trường theo đúng quy định của pháp luật.

10. Tổ chức cho giảng viên, cán bộ nhân viên và người học tham gia hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo.

11. Giữ gìn và phát triển di sản, bản sắc văn hóa dân tộc.

12. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong những người học và trong đội ngũ cán bộ giảng viên của Trường.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG

Nhà trường được toàn quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển Nhà trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự. Cụ thể là:

1. Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển Trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

2. Chủ động xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề đào tạo trên cơ sở chương trình khung do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành; xác định, công bố công khai phương thức và tổ chức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh; tổ chức đào tạo, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. Tổ chức triển khai kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định.

4. Có quyền thành lập, giải thể các: Tổ chức khoa học và công nghệ, các đơn vị dịch vụ và doanh nghiệp trực thuộc Trường theo quy định pháp luật và Điều lệ Trường; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức vụ từ cấp trưởng phòng, trưởng khoa và tương đương trở xuống theo quy định của Điều lệ.

5. Có quyền huy động, quản lý và sử dụng một cách có hiệu quả các nguồn lực theo quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của Trường nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục và giáo dục nghề nghiệp; Hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, gắn đào tạo với sản xuất và việc làm phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

6. Được thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ; đăng ký, tham gia tuyển chọn ký kết và thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ,

đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ; góp phần xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước và hội nhập quốc tế.

7. Đăng ký và được pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình, đề tài khoa học và công nghệ, các giải pháp hữu ích, bí quyết kỹ thuật, các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại...do Trường sáng tạo ra hoặc sở hữu; được chuyển giao, chuyển nhượng và công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; bảo vệ lợi ích Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của Trường.

8. Được nhận tài trợ, nhận góp vốn bằng tiền mặt (tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tự do chuyển đổi), vàng, giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác, hiện vật, trang thiết bị v...v... của các tổ chức hoặc cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

9. Được tự chủ trong sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và các hoạt động kinh tế khác để đầu tư xây dựng và mở rộng cơ sở vật chất của Trường, phát triển và mở rộng các hoạt động kinh tế cho Nhà trường; trả cổ tức cho cổ đông; tài trợ cho các hoạt động thực hiện chính sách ưu đãi đối với các con, em gia đình thuộc diện chính sách, các hoạt động xã hội, nhận đạo và từ thiện.

10. Chủ động xây dựng và tổ chức bộ máy hoạt động Nhà trường; tuyển dụng và quản lý đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động của Trường phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật.

11. Được Nhà nước giao hoặc cho thuê quyền sử dụng đất, cơ sở vật chất; được nhận hỗ trợ ngân Sách Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao theo hợp đồng đặt hàng; được hưởng chính sách ưu đãi khi vay vốn, được miễn hoặc giảm thuế theo quy định của pháp luật.

12. Chủ động trong việc thu, chi tài chính, đầu tư phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật; quyết định mức thu giá dịch vụ đào tạo tương ứng với điều kiện và bảo đảm chất lượng đào tạo.

13. Tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của Trường; bảo đảm chất lượng đào tạo của Trường.

14. Thực hiện quy chế dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học, công nghệ và hoạt động tài chính của Trường.

15. Thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp và các cơ quan có thẩm quyền về hoạt động mọi mặt của Trường theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỜNG

Trường chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, không để bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa và cơ sở vật chất của Trường để tiến hành các hoạt động trái với quy định pháp luật, trái với quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trường.

CHƯƠNG II

CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ CỦA NHÀ TRƯỜNG

Vốn điều lệ của Trường là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc đã được đăng ký mua bởi các thành viên (các nhà đầu tư) khi thành lập Trường hoặc trong quá trình hoạt động, người sở hữu cổ phần sẽ được gọi là cổ đông và được ghi trong điều lệ tổ chức và hoạt động của Trường.

Vốn điều lệ của Trường:	100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
Trong đó: Vốn bằng tiền là:	100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
Vốn bằng tài sản: Không.	
Tổng số cổ phần:	100.000 cổ phần.
- Loại cổ phần:	
+ Cổ phần phổ thông:	100.000 cổ phần.
+ Cổ phần ưu đãi biểu quyết:	Không có.
+ Cổ phần ưu đãi cổ tức:	Chưa có
+ Cổ phần ưu đãi hoàn lại:	Chưa có
+ Cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ Nhà trường quy định:	Chưa có
- Mệnh giá cổ phần:	1.000.000 đồng VN (Một triệu đồng VN) / cổ phần.

Vốn điều lệ của Trường có thể được điều chỉnh tăng lên hoặc giảm xuống phù hợp với chiến lược và kế hoạch, yêu cầu xây dựng Trường để đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn do Bộ Lao động – Thương binh và Xã Hội quy định.

ĐIỀU 8. CƠ CẤU VÀ PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG VỐN

1. Tỷ lệ góp vốn của các cổ đông: Tỷ lệ sở hữu cổ phần và số lượng cổ phần mà các cổ đông sáng lập hay các cổ đông góp vốn nắm giữ sẽ được ghi rõ và cập nhật trong Sổ cổ đông của Trường.

2. Vốn điều lệ của Trường có thể được góp bằng tiền mặt, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác hoặc các tài sản có giá trị khác được theo dõi và hạch toán theo đơn vị thống nhất đồng Việt Nam.

Đối với trường hợp vốn góp không phải là tiền đồng Việt Nam như: ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ... thì phải được Hội đồng quản trị (HĐQT) hoặc được tổ chức định giá chuyên nghiệp tiến hành thẩm định giá các tài sản đó theo quy định của pháp luật rồi chuyển thành tiền đồng Việt Nam để tham gia góp vốn.

ĐIỀU 9. THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

1. Đại hội cổ đông Trường là tổ chức có quyền quyết định việc tăng vốn điều lệ thông qua việc: tăng giá trị tài sản từ tích lũy lợi nhuận mà Trường thu được, các cổ đông đầu tư vốn bổ sung, phát hành thêm cổ phiếu hoặc kêu gọi thêm các cổ đông mới tham gia góp vốn phù hợp với chiến lược đầu tư phát triển của Trường.

2. Đại hội cổ đông (ĐHCD) có quyền quyết định việc giảm vốn điều lệ thông qua một trong các hình thức sau đây:

a) Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông thông qua việc mua lại cổ phần, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức (nếu có).

b) Khi các cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần mà mình đã đăng ký mua theo quy định.

Khi mua lại và thanh toán cổ phần, Trường phải tuân thủ đúng quy định tại Điều 132, 133 và Điều 134 của Luật Doanh nghiệp 2020.

ĐIỀU 10. CỔ PHẦN

Tại thời điểm Trường Cao đẳng Bách nghệ Tây Hà được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội thì các cổ phần do các cổ đông Trường Cao đẳng Bách nghệ Tây Hà đang nắm giữ được chuyển sang với tỷ lệ chuyển đổi là 1/1 (một cổ phần Trường Cao đẳng Bách nghệ Tây Hà chuyển thành một cổ phần Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội), giá trị của mỗi cổ phần lúc chuyển đổi được định giá là 1.000.000 đồng/cổ phần và toàn bộ số cổ phần này đều là cổ phần phổ thông. Số cổ phần này sẽ được ghi nhận trong sổ cổ đông và được dùng để tính cổ tức, mỗi cổ phần tương ứng với 01 phiếu biểu quyết khi tham gia Đại hội cổ đông hằng năm.

Theo quyết định của Đại hội cổ đông, cổ phần của Nhà trường có thể được Đại hội cổ đông phát hành thêm trong các trường hợp sau đây:

- + Tăng vốn điều lệ;
- + Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phần;
- + Trả thưởng bằng cổ phần (đối với các cán bộ, giáo viên).

Số cổ phần để thưởng hằng năm (nếu có) sẽ do Ban giám hiệu lập tờ trình trình HĐQT phê duyệt cụ thể nhưng không quá 05% tổng số cổ phần của Trường.

ĐIỀU 11. CÁC LOẠI CỔ PHẦN

1. Hiện nay, toàn bộ các cổ phần của Trường đều là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

2. Trường có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

- a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;
- b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
- c) Cổ phần ưu đãi khác do Luật doanh nghiệp quy định.

3. Trong trường hợp cần thiết nhằm phục vụ việc mở rộng và phát triển, thu hút các nhà đầu tư chiến lược hoặc vì lợi ích lâu dài của Trường, ĐHCD sẽ quyết định việc phát hành các loại cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác theo đề nghị của HĐQT. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do ĐHCD quyết định. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của ĐHCĐ.

ĐIỀU 12. CỔ PHIẾU

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Trường phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Trường thì gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu của Trường chỉ có một loại là cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Trường;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân/ thẻ căn cước công dân, hộ chiếu của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- đ) Thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- e) Chữ ký của người đại diện là Chủ tịch HĐQT và dấu của Trường;
- g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Trường và ngày phát hành cổ phiếu;

2. Các nội dung khác theo quy định tại các điều 117 và 118 của Luật doanh nghiệp năm 2020 đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Trường phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng của Trường chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Trường cấp lại cổ phiếu theo đề nghị bằng văn bản của cổ đông đó. Cổ đông đề nghị cấp lại cổ phiếu do bị mất, bị rách, bị cháy phải trả chi phí cho Trường theo quy định và phải có cam đoan các nội dung sau đây:

- a) Cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng cổ đông đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Trường để tiêu hủy;
- b) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị hủy chứ không phải đã được đem cầm cố, chuyển nhượng hoặc đã bị thế chấp;
- c) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), trước khi cấp lại cổ phiếu mới, Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT của Trường có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Trường cấp cổ phiếu mới.

ĐIỀU 13. CỔ ĐÔNG

Cổ đông của Trường là những cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) hoặc nhiều cổ phần của Trường. Cổ đông của Trường bao gồm các cổ đông của Trường

Cao đẳng Bách nghệ Tây Hà chuyển sang và cổ đông mới của Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội.

ĐIỀU 14. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương Mại Hà Nội phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi có Quyết định thành lập. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Trường;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/mã số thuế hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Trường hoặc nơi khác, nhưng phải được lưu giữ theo chế độ bảo mật. Cổ đông có quyền gửi văn bản đề nghị cho kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông của mình trong giờ làm việc của Trường.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Trường để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Trường không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

ĐIỀU 15. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hợp pháp, có thể biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHCĐ hoặc biểu quyết bằng văn bản. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHCĐ do HĐQT đề xuất;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới do Trường chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông;

d) Được tự do chuyển nhượng, tặng cho, để thừa kế, cầm cố, thế chấp cổ phần mình sở hữu cho cổ đông khác hoặc người chưa phải là cổ đông trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này;

e) Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Trường, biên bản họp ĐHCĐ và các nghị quyết của ĐHCĐ khi cần thiết;

f) Khi Trường giải thể hoặc phá sản, cổ đông được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu tại Trường;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 30% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát;

b) Được xem và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp ĐHCĐ trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Trường khi xét thấy cần thiết.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Khi yêu cầu cổ đông phải có văn bản đề nghị; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân /giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp /mã số thuế đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông hoặc cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu; vấn đề cần kiểm tra, mục đích và lý do chính đáng để kiểm tra.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông phải được lập bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ và lý do chính đáng yêu cầu triệu tập họp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ xác thực để chứng minh cho yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông.

4. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội cổ đông ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ

đồng hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 16. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày đăng ký mua, chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Trường trong phạm vi số vốn đã góp hoặc cam kết góp. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Trường dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Trường hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Trường trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra (nếu có).

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Trường.

3. Chấp hành quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định trong Điều lệ của Trường.

5. Giữ tuyệt đối bí mật các thông tin của Trường mà Nghị quyết của HĐQT không cho công bố công khai.

6. Cổ đông không được thực hiện và phải tự chịu mọi trách nhiệm khi nhân danh Trường dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm các quy định của pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích riêng của cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Trường.

ĐIỀU 17. CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Chào bán cổ phần là việc Trường tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán ra công chúng;

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là Trường bán thêm cổ phần cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại Trường. Trình tự thực hiện chào bán như sau:

a) Trường phải thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử (email) đến các cổ đông đồng thời đăng báo trong 03 số liên tiếp chậm nhất 30 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

b) Thông báo phải có đầy đủ các thông tin về nhân thân của cổ đông; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT của Trường. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Trường phát hành;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác nếu không có nhu cầu đăng ký mua thêm cổ phần được quyền mua;

d) Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì HĐQT có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

đ) Cổ phần được coi là đã bán khi người mua cổ phần đã thanh toán đủ tiền mua cổ phần và những thông tin về người mua được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Trường;

e) Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Trường phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua và các thông tin về cổ đông được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông;

3. Chào bán cổ phần ra công chúng: Trường hợp Trường thực hiện việc chào bán cổ phần ra công chúng thì sẽ thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán;

4. Chào bán cổ phần riêng lẻ của Trường được quy định như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, Trường phải thông báo bằng văn bản việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Kèm theo thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ phải có các tài liệu sau đây:

+ Nghị quyết của Đại hội cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ;

+ Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội cổ đông thông qua;

b) Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập và mã số thuế của Trường;

+ Tổng số cổ phần dự định chào bán; các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại;

+ Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT của Trường;

c) Trường có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

5. Trường thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

ĐIỀU 18. BÁN CỔ PHẦN

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần được quyền chào bán. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất.

ĐIỀU 19. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Cổ phần của Trường được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Những cổ đông đang là thành viên HĐQT hoặc đang công tác tại Trường chỉ được tự do chuyển nhượng ngoài số cổ phần đang bị cầm cố, thế chấp, cổ phần thuộc về điều kiện để cổ đông được nhận trách nhiệm tham gia công tác tại trường.

Việc chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện bằng hợp đồng chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng cổ phần bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện ủy quyền hợp pháp của họ ký. Bên nhận chuyển nhượng cổ phần chỉ được coi là cổ đông của Trường khi tên và các thông tin của họ được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và Trường phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại của người chuyển nhượng, đồng thời điều chỉnh lại thông tin trong sổ đăng ký cổ đông của Trường

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó sẽ được xem là cổ đông của Trường sau khi người đó đã thực hiện xong các thủ tục pháp lý về thừa kế. Việc chuyển quyền sở hữu cổ phần và đăng ký tên của người sở hữu cổ phần tại danh sách đăng ký cổ đông của Trường được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, Luật Doanh nghiệp và quy định của Điều lệ này.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết hoặc cổ đông là tổ chức bị phá sản hoặc chấm dứt hoạt động mà không có người thừa kế các quyền và nghĩa vụ của cổ đông đó, hoặc có người thừa kế nhưng người thừa kế từ chối nhận thừa kế các quyền và nghĩa vụ mà cổ đông để lại hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng, cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Trường cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Trường.

6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Nhà trường từ thời điểm các thông tin của họ được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.

ĐIỀU 20. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Trường có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác để huy động vốn đầu tư nhằm mở rộng, phát triển Trường theo quy định

của pháp luật và quy định của Điều lệ Trường. HĐQT có quyền quyết định phát hành loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất.

2. Trường hợp Trường không thể thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó thì không được quyền tiếp tục phát hành trái phiếu.

3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp Trường phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Điều lệ này và quy định khác của Luật doanh nghiệp.

ĐIỀU 21. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU

Cổ phần, trái phiếu của Trường có thể được mua bằng tiền đồng Việt Nam. Nếu mua bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ này thì phải được quy đổi ra thành tiền đồng Việt Nam tại thời điểm mua bán và được thanh toán đủ một lần.

ĐIỀU 22. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Trường hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Trường có quyền yêu cầu Trường mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Nhà trường mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Trường trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày ĐHCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Trường phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này theo giá thỏa thuận nhưng không cao hơn giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể thỏa thuận việc thuê tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 23. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ TRƯỜNG

Trường có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHCĐ quyết định;

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Trường. Quyết định mua lại cổ phần của Trường phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Trường, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Trường.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân/số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/mã số thuế hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Trường chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN, XỬ LÝ CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

1. Trường chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Trường vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 Điều này được coi là cổ phần chưa bán và Trường được quyền chào bán số cổ phần này cho cổ đông quan tâm. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi số cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.

3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Trường giảm hơn 20% thì Trường phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

4. Trường hợp việc thanh toán được thực hiện trái với quy định tại khoản 1 Điều này thì các cổ đông đã được thanh toán phải hoàn trả cho Trường số tiền hoặc tài sản mà mình đã nhận. Nếu cổ đông không hoàn trả được thì cổ đông và các thành viên HĐQT cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản của Trường trong phạm vi giá trị số tiền và tài sản chưa được hoàn trả lại đó.

ĐIỀU 25. TRẢ CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng thu được và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Trường. Trường chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi hoạt động có lãi và có đủ các điều kiện sau đây:

a) Trường đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Trường và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Trường;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Trường vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thanh toán.

2. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi (nếu có) được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Trường hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Trường. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội cổ đông thường niên. HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi đến cổ đông qua email hoặc theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Trường;
- b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp/mã số thuế hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- c) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- d) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Trường.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Trường không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123 và 124 của Luật doanh nghiệp. Trường phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

ĐIỀU 26. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TRƯỜNG

Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội có cơ cấu tổ chức, quản lý như sau:

1. Đại hội cổ đông (ĐHCD).
2. Hội đồng quản trị.
3. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng (hoặc gọi chung là Ban giám hiệu).
4. Ban kiểm soát.
5. Hội đồng tư vấn.

6. Các phòng (ban) chuyên môn.
7. Các khoa, Viện và bộ môn trực thuộc Trường.
8. Các trung tâm đào tạo, tuyển sinh; các đơn vị, tổ chức dịch vụ, nghiên cứu khoa học; các Công ty sản xuất kinh doanh - thương mại, Ban quản lý dự án.
9. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể.

ĐIỀU 27. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TRƯỜNG.

1. Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội có 02 người chịu trách nhiệm trước pháp luật khác nhau.

a) Hiệu trưởng là người đứng đầu và đại diện trước pháp luật của Trường, chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường (không bao gồm các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT).

b) Chủ tịch HĐQT là chủ tài khoản và là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của Trường.

2. Người đại diện và chịu trách nhiệm trước pháp luật của Trường là người đại diện cho Trường thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Trường, đại diện cho Trường với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Trường phải thường trú tại Việt Nam; nếu vắng mặt quá 30 ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác làm người đại diện trước pháp luật của Trường theo quy định.

ĐIỀU 28. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CỦA TRƯỜNG

1. Các chức danh quản lý của Trường bao gồm: Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT; Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng; các Trưởng và Phó phòng (ban) chuyên môn; các Trưởng và Phó khoa, Viện; Giám đốc Trung tâm, Giám đốc công ty trực thuộc Trường, Ban quản lý dự án, Bí thư tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể :

2. Người quản lý Trường có các trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ Trường, của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục và Luật Doanh nghiệp, nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Trường;

c) Trung thành với lợi ích của Trường và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí mật kinh doanh, cơ hội kinh doanh của Trường, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Trường để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

ĐIỀU 29. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Trường với các đối tượng sau đây phải có báo cáo và phải được HĐQT chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Trường và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên HĐQT, Hiệu trưởng và người liên quan của họ.

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản Trường ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện Trường ký hợp đồng phải thông báo đến các thành viên HĐQT và báo cáo trước HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc không đối với hợp đồng/ giao dịch đó trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Trường ký hợp đồng phải thông báo HĐQT về giao dịch đó và dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua. Cổ đông có lợi ích liên quan đến hợp đồng và giao dịch này không có quyền biểu quyết, hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

4. Các hợp đồng và giao dịch được ký kết trái quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này gây thiệt hại cho Nhà trường thì người ký kết hợp đồng, thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện Trường ký phải liên đới bồi thường các thiệt hại phát sinh.

ĐIỀU 30. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG (hoặc ĐHCĐ)

1. ĐHCĐ của Trường bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết được ghi nhận trong danh sách đăng ký cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của Trường.

2. ĐHCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển, chương trình, kế hoạch và những chỉ tiêu quan trọng của Trường trong quá trình xây dựng và phát triển Trường;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần trên cơ sở đề xuất của HĐQT;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát; giải quyết các yêu cầu đột xuất về việc bổ sung, thay đổi thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Trường;

đ) Quyết định thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Trường;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm của Trường (quyết toán năm cũ và dự toán năm mới) bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát nếu gây thiệt hại nghiêm trọng cho Trường và cổ đông;

i) Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định kế hoạch huy động vốn dưới mọi hình thức trên cơ sở đề nghị của HĐQT;

j) Quyết định tổ chức lại, giải thể Trường;

k) Quyết định tổng mức thù lao công việc và tiền thưởng hàng năm của thành viên HĐQT tại các cuộc họp thường niên;

n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Trường, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục và Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp cổ đông có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Trường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định uỷ quyền.

ĐIỀU 31. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. ĐHCĐ họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần. Tùy theo điều kiện và tình hình thực tế, Trường có quyền lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp ĐHCĐ sau đây: Họp ĐHCĐ bằng hình thức họp và biểu quyết trực tiếp; họp trực tuyến (họp và biểu quyết online); hoặc bằng hình thức gửi nội dung, chương trình thảo luận và lấy ý kiến các cổ đông bằng văn bản. Địa điểm họp ĐHCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. ĐHCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cần thiết HĐQT có thể gia hạn thời gian tổ chức họp, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch hoạt động, sản xuất - kinh doanh, đầu tư và xây dựng cơ sở vật chất hàng năm của Trường theo đề nghị của HĐQT;

b) Báo cáo tài chính hàng năm của Trường;

c) Báo cáo của HĐQT về công tác quản lý, tổ chức và hoạt động của Trường, kế hoạch hoạt động của Trường trong năm tới về các mặt đào tạo, tài chính, kinh tế; giao cho HĐQT xem xét và quyết định các mức chi về lương, phụ cấp của HĐQT, Bộ máy quản lý của Trường. Báo cáo về kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Trường, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Hiệu trưởng. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

- đ) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại theo đề nghị của HĐQT;
- e) Các vấn đề quan trọng khác của Trường khi ĐHCĐ xét thấy cần thiết trên cơ sở đề xuất của HĐQT.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:

- a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Trường;
- b) Số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát giảm đến 1/3 số thành viên theo quy định của Điều lệ Trường và quy định pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% số cổ phần trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên quy định tại khoản 2 và 3 Điều 15 Điều lệ này;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Trường.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại điểm b hoặc điểm c và d khoản 3 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Trường.

5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định của Điều lệ Trường. Nếu BKS không triệu tập họp ĐHCĐ như quy định tại Điều này thì BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Trường.

6. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHCĐ theo Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ có quyền đại diện Trường triệu tập họp ĐHCĐ. Người triệu tập phải thực hiện các công việc để tổ chức họp Đại hội cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.

7. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHCĐ theo quy tại các khoản 4,5 và 6 của Điều này sẽ được Trường hoàn lại.

ĐIỀU 32. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Trường. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải có đầy đủ thông tin họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chụp danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ; yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về

mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ. Cổ đông phải gửi yêu cầu bằng văn bản về Trường chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ.

ĐIỀU 33. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp ĐHCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với những vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Trường chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông hoặc nhóm cổ đông, số lượng sở hữu cổ phần, số và ngày đăng ký cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp ĐHCĐ có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, nhưng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

3. Người triệu tập ĐHCĐ được quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn quy định tại Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ;

4. Người triệu tập họp ĐHCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHCĐ chấp thuận.

ĐIỀU 34. MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp ĐHCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Trường; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp, hình thức họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi đến địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng thư điện tử); đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Trường hoặc đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương khi xét thấy cần thiết theo quyết định của HĐQT.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Biểu mẫu phiếu biểu quyết;
- c) Biểu mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp Trường có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Trường để các cổ đông có quyền tiếp cận.

ĐIỀU 35. QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức có người đại diện theo ủy quyền thì phải gửi thông báo bằng văn bản cho Trường.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu do Trường phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác theo quy định Điều lệ này.

ĐIỀU 36. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHCĐ được tiến hành không phụ thuộc tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 33 và 34 của Điều lệ này.

ĐIỀU 37. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP, BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, cổ đông phải đăng ký việc dự họp ĐHCĐ cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký

dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS sẽ là người điều khiển để ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHCĐ điều khiển để ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một người làm thư ký cuộc họp ĐHCĐ;

d) ĐHCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá 03 người theo đề nghị của chủ tọa;

3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình.

4. Chủ tọa và thư ký phiên họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp.

5. ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, không có ý kiến, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp ĐHCĐ có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHCĐ;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHCĐ đến một thời điểm hoặc địa điểm khác theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay

thể Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

ĐIỀU 38. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. ĐHCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của ĐHCĐ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết phù hợp với hình thức tổ chức cuộc họp ĐHCĐ quy định tại Điều lệ này.

3. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

a) Nghị quyết của ĐHCĐ sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS (nếu có) phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Trường, nhưng ít nhất phải có 65% số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS, ĐHCĐ sẽ bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, nếu kết quả bỏ phiếu vẫn không có ứng viên chiếm được số phiếu đa số thì người giữ vị trí Chủ tọa sẽ bỏ phiếu quyết định người được bầu.

4. Các nghị quyết của ĐHCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Các nghị quyết được thông qua với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của ĐHCĐ theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Nghị quyết của ĐHCĐ phải được thông báo đến cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc Trường đăng tải nghị quyết lên trang thông tin điện tử của Trường để các cổ đông có thể tiếp cận.

ĐIỀU 39. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN HOẶC HÌNH THỨC KHÁC ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Điều lệ này để thông qua nghị quyết của ĐHCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Trường;

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, mẫu phiếu lấy ý kiến và gửi đến địa chỉ của các cổ đông có quyền biểu quyết bằng một trong các hình thức gửi thư, fax, thư điện tử, trực tuyến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp, cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến về Trường bằng hình thức gửi thư, fax, thư điện tử, trực tuyến. Nếu gửi thư thì phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Trường sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trước khi kiểm phiếu đều bị xem là không hợp lệ.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Trường. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Trường;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến của từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua và chưa thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Hiệu trưởng của Trường, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu và liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác gây ra.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc Trường có thể đăng tải biên bản kiểm phiếu lên trang thông tin điện tử của Trường.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Trường.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc hình thức khác quy định tại điều này có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ.

ĐIỀU 40. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp ĐHCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình hoặc lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày ban hành quyết định thành lập Trường;
- b) Thời gian và địa điểm họp;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên Chủ toạ và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của người dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ toạ và thư ký.

2. Biên bản họp ĐHCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp ĐHCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Trường.

ĐIỀU 41. YÊU CẦU HUỖY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết của ĐHCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Trường (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 của Điều lệ này và Khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp).

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Trường.

ĐIỀU 42. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (hoặc HĐQT)

1. HĐQT là cơ quan quản lý của Trường và là tổ chức đại diện cho chủ sở hữu của Trường, có toàn quyền nhân danh Trường để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Trường không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

2. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Dự kiến chương trình, chuẩn bị tài liệu phục vụ họp đại hội cổ đông; triệu tập đại hội cổ đông họp thường kỳ hoặc đột xuất theo quy định Điều lệ Trường. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông;

b) Thông qua quy định về số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm; tuyển dụng, quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động của nhà trường;

c) Xây dựng phương hướng, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hoạt động hằng năm của Trường trình ĐHCĐ;

d) Kiến nghị ĐHCĐ loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định thời điểm bán, giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Trường; quyết định huy động thêm vốn và hình thức huy động vốn. Quyết định việc mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Điều lệ này;

đ) Xây dựng và trình ĐHCĐ thông qua chiến lược đầu tư, kế hoạch phát triển cơ sở vật chất thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, khai thác và quản lý tài sản của Trường thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ này;

e) Thông qua chiến lược và kế hoạch phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế do Hiệu trưởng đề xuất. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị; kế hoạch tuyển sinh và công nghệ hằng năm của Trường;

ê) Quyết nghị về việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức, hoạt động của trường; Xây dựng và quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu, chi tài chính của Trường theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính và Điều lệ Trường.

g) Quyết định việc huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng Trường, xây dựng hoặc phê duyệt các dự toán và quyết toán ngân sách hằng năm do Hiệu trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc HĐQT trình; giám sát việc quản lý, khai thác và sử dụng tài chính, cơ sở vật chất và tài sản của Trường.

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Trường.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Hiệu trưởng và trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định công nhận; Bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó hiệu trưởng, Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tuyển sinh, Trưởng phòng đào tạo; Quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó;

k) Xây dựng và thông qua phương án về tổ chức bộ máy hoạt động, biên chế và phê duyệt các vấn đề có liên quan đến nhân sự của Trường do Hiệu trưởng và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc HĐQT đề nghị. Quyết định các vấn đề về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động, thành lập mới, sáp nhập, giải thể các đơn vị trực thuộc Trường;

l) Giám sát, chỉ đạo Hiệu trưởng và người quản lý khác trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết của HĐQT về điều hành hoạt động của Trường;

m) HĐQT trực tiếp xây dựng và triển khai công tác quản lý tài chính, đầu tư, kế hoạch quản lý, phát triển và khai thác các tài sản, cơ sở vật chất của Trường; xây dựng quy chế tài chính nội bộ của Trường; xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và công tác tài chính hằng năm của Trường;

n) Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác trong các đơn vị trực thuộc Trường cung cấp các thông tin, tài liệu về tổ chức, tài chính, đào tạo và nghiên cứu khoa học;

o) Xây dựng báo cáo hoạt động và trình quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHCĐ; Trình báo cáo về phương hướng, kế hoạch hoạt động trong năm tới;

ô) Trình ĐHCĐ quyết định mức thù lao công việc và tiền thưởng của từng thành viên Hội đồng quản trị và tổng mức thù lao của HĐQT hằng năm tại các kỳ họp thường niên;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động đào tạo, sản xuất - kinh doanh, mức phụ cấp cho HĐQT và BKS, mức chi cho Bộ máy Nhà trường;

q) Xây dựng và trình ĐHCĐ quyết định phương án tăng, giảm vốn điều lệ và phương án huy động vốn;

r) Dự thảo xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trường. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Trường để ĐHCĐ quyết định;

s) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp, văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ Trường.

3. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Trường và nghị quyết của ĐHCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Trường gây thiệt hại cho Trường thì các thành viên chấp thuận thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Trường; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

ĐIỀU 43. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT.

1. HĐQT của Trường có từ 03 đến 11 thành viên tùy theo số lượng cổ đông và theo đề xuất của các cổ đông. Số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam tối thiểu là 03 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm, thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

3. HĐQT sẽ cử ra một bộ phận thường trực gồm Chủ tịch HĐQT, 01 đến 02 Phó chủ tịch và 01 Ủy viên, nhưng phải có ít nhất 03 người. Thành phần và phụ cấp công việc và tiền thưởng (nếu có) của bộ phận thường trực sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định, nhưng không vượt quá tổng mức phụ cấp đã được ĐHCĐ thông qua hằng năm. Quyết định thành lập và mức phụ cấp công việc, tiền thưởng (nếu có) sẽ được các thành viên HĐQT nhất trí thông qua khi có đa số các thành viên biểu quyết tán thành, khi quyết định được thông qua thì phải được thông báo cho các bộ phận quản lý của Trường được biết. Bộ phận thường trực của HĐQT sẽ họp ít nhất 01 tháng 01 lần và có thể được thực hiện theo hình thức họp trực tiếp, trực tuyến (họp online), lấy ý kiến bằng văn bản... để giải quyết các công việc thuộc chức năng và nhiệm vụ của HĐQT giữa hai kỳ họp theo quy định của Điều lệ này.

ĐIỀU 44. CƠ CẤU, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HĐQT.

1. Thành phần, cơ cấu của HĐQT Trường gồm:

a) Đại diện cho cổ đông góp vốn quy định tại khoản 3 Điều này là thành phần chủ yếu trong HĐQT. Trường hợp đặc biệt, thành viên HĐQT có thể là người được Cơ quan Nhà nước cử tham gia HĐQT theo quy định;

b) Hiệu trưởng hoặc đại diện Ban giám hiệu;

c) Đại diện Đảng ủy, đoàn thể quần chúng và giảng viên;

2. Thành viên HĐQT phải là người có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không được thuộc đối tượng không được quản lý Trường theo quy định của pháp luật.

3. Ngoại trừ trường hợp thành viên HĐQT là người đại diện của cơ quan quản lý Nhà nước cử tham gia HĐQT hoặc Hiệu trưởng do Trường thuê. Các thành viên HĐQT phải là cổ đông sở hữu ít nhất 05% tổng số cổ phần của Trường hoặc là cổ đông có trình độ chuyên môn, có uy tín khoa học, kinh nghiệm quản lý kinh doanh, đào tạo phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường và sở hữu ít nhất 1000 cổ phần.

4. Hội đồng quản trị được thành lập theo quy định pháp luật. Trước khi kết thúc nhiệm kỳ 03 tháng, chủ tịch HĐQT đương nhiệm tổ chức cuộc họp HĐQT để xác định số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT nhiệm kỳ tới và giới thiệu cho ĐHCĐ.

5. Thay thế Chủ tịch và thành viên HĐQT: Việc thay thế Chủ tịch, thành viên HĐQT do HĐQT xem xét, quyết định và gửi hồ sơ đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quyết định và được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

ĐIỀU 45. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc bầu HĐQT trong nhiệm kỳ đó. Chủ tịch HĐQT được bầu theo nguyên tắc đa số trong số thành viên HĐQT và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận. Theo quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm Hiệu trưởng của Trường khi có đủ các điều kiện đối với Hiệu trưởng.

2. Chủ tịch HĐQT của Trường phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có trình độ tốt nghiệp từ đại học trở lên.

3. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Chủ tịch HĐQT là chủ tài khoản của Trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của Trường. Thực hiện quyền tự chủ và chịu trách nhiệm công khai minh bạch về tài chính theo quy định của pháp luật, chấp hành các quy định về kế toán và kiểm toán. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho Hiệu trưởng hoặc người được HĐQT giao thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ này là đại diện chủ tài khoản, người đại diện ủy quyền được thực hiện quyền và nghĩa vụ như chủ tài khoản trong phạm vi ủy quyền;

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c) Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT, đặc biệt là các quyết định về nhân sự như: bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Hiệu trưởng, Hiệu phó, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng đào tạo, Trưởng phòng tuyển sinh;

d) Điều hành hoạt động của HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ này. Chỉ đạo, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

đ) Chủ tọa họp ĐHCĐ hoặc chủ trì tổ chức lấy ý kiến ĐHCĐ bằng văn bản;

e) Thay mặt HĐQT trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác giám sát thực hiện hoặc thực hiện việc quản lý tài chính, khai thác tài sản và cơ sở vật chất của Nhà trường; Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT thay mặt Nhà trường ký vào các BCTC hàng năm để nộp và báo cáo theo quy định pháp luật.

g) Chủ tịch HĐQT trực tiếp phê duyệt chương trình, kế hoạch tuyển sinh hàng năm do Trưởng phòng tuyển sinh trình HĐQT;

h) Trình Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ra quyết định công nhận Hiệu trưởng;

i) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định Pháp luật và Điều lệ này;

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số. Kết quả bầu cử sẽ được báo cáo lên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được công nhận.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị giới thiệu 01 người làm thư ký HĐQT để HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số. Thư ký sẽ hỗ trợ HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Trường.

Thư ký do HĐQT bầu và có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHCĐ ghi chép các biên bản họp ĐHCĐ;
- b) Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch HĐQT các hoạt động của Trường; chuẩn bị chương trình cuộc họp, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của HĐQT; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của HĐQT;
- c) Hỗ trợ hành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐQT giao cho;
- d) Hỗ trợ Trường trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- đ) Hỗ trợ Trường trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý Nhà nước, ĐHCĐ và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của HĐQT;

ĐIỀU 46. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch triệu tập họp định kỳ mỗi quý (03 tháng) một lần. Việc tổ chức họp bất thường do Chủ tịch HĐQT quyết định, nhưng phải được ít nhất 30% tổng số thành viên HĐQT đồng ý. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Trường hoặc ở nơi khác.

2. Tùy vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, việc tổ chức họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định và có thể được tổ chức dưới các hình thức sau đây:

- Họp và biểu quyết trực tiếp;
- Họp và biểu quyết bằng hình thức trực tuyến (họp online);
- Họp bằng hình thức gián tiếp: gửi nội dung và chương trình qua thư (thư điện tử) để các thành viên nghiên cứu, thảo luận và cho ý kiến biểu quyết bằng văn bản gửi về Trường.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Hiệu trưởng hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT đề nghị;

Đề nghị triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ lý do chính đáng đề nghị triệu tập họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị mà không có lý do chính đáng thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Trường.

5. Chủ tịch HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian, hình thức, địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp có thể gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT đăng ký tại Trường.

6. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 70% tổng số thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có 50% số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp, sau 02 lần triệu tập họp HĐQT mà không đủ số thành viên tham dự, thì Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để Cổ đông xem xét tư cách của các Thành viên HĐQT.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền hợp pháp cho thành viên khác dự họp và biểu quyết thay mình;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì được dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT trước khi khai mạc phiên họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên 50% số thành viên dự họp tán thành với nguyên tắc mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

ĐIỀU 47. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung biên bản chỉ cần nêu ý kiến chính

của Chủ tịch HĐQT và phải đảm bảo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 40 Điều lệ này (trừ điểm e khoản 1 Điều 40). Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Trường.

ĐIỀU 48. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT.

1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 44 Điều lệ Trường;
- b) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Trường, không còn đủ tín nhiệm đối với cổ đông.
- d) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bị chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.
- đ) Có đơn xin từ chức;

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo nghị quyết của ĐHCĐ.

3. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm đến 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Trường thì Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm 1/3 để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

ĐIỀU 49. HIỆU TRƯỞNG

1. Hiệu trưởng là người đứng đầu Nhà trường, đại diện cho Trường trước pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động giáo dục, đào tạo hàng ngày của trường. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 05 năm. Hiệu trưởng được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ và không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Hiệu trưởng phải có đầy đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín trong công tác giảng dạy đồng thời đã tham gia quản lý giáo dục từ cấp khoa, Phòng trở lên ở các trường đại học, cao đẳng với thời hạn ít nhất 05 năm;
- b) Có bằng từ Thạc sĩ trở lên;
- c) Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp;
- d) Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ. Độ tuổi giữ chức vụ Hiệu trưởng của Trường không quá 70 tuổi;
- e) Phải là cổ đông của Trường, sở hữu ít nhất 1000 cổ phần theo quy định tại Điều lệ này ngoại trừ trường hợp Hiệu trưởng là người được thuê hoặc người do cơ quan quản lý Nhà nước cử theo quy định của pháp luật.

3. HĐQT có thể xem xét bổ nhiệm hoặc tuyển chọn Hiệu trưởng theo một trong các phương thức sau đây:

- a) HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT thỏa mãn đầy đủ điều kiện và tiêu chuẩn để đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng theo quy định tại Điều lệ này;

b) HĐQT tiến hành tổ chức thi tuyển để lựa chọn người đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng theo đề án tổ chức thi tuyển được quy định tại nghị quyết của HĐQT về vấn đề này;

c) HĐQT thuê một người có đủ điều kiện và tiêu chuẩn để đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng thông qua việc ký hợp đồng lao động giữa Chủ tịch HĐQT và người làm Hiệu trưởng theo quy định của pháp luật.

4. Hiệu trưởng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Ban hành các quy chế, quy định trong trường theo nghị quyết của HĐQT;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

c) Xây dựng quy hoạch về số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động để trình HĐQT phê duyệt;

d) Ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch Hội đồng tuyển sinh; Bổ nhiệm và cách chức các chức danh quản lý trong Trường như: Trường, phó khoa; Trường, phó các phòng, ban (ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ này). Khi thực hiện ký bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh quản lý thì Hiệu trưởng phải báo cáo cho HĐQT biết và giám sát;

đ) Xây dựng chương trình và kế hoạch tuyển sinh hằng năm, xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác của Nhà trường để trình HĐQT quyết định. Chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo;

e) Chịu trách nhiệm quản lý cơ sở vật chất, tài sản, tài chính để phục vụ hoạt động đào tạo của trường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

g) Lập dự toán và quyết toán tài chính liên quan đến hoạt động đào tạo hằng năm của Trường trình HĐQT phê duyệt;

h) Căn cứ kế hoạch nhân sự và tài chính được phê duyệt hằng năm, quyết định việc trả lương theo hiệu quả, chất lượng công việc; tổ chức tuyển dụng theo nhu cầu lao động của Trường, ký kết hợp đồng làm việc, ký kết hợp đồng lao động, quản lý, sử dụng và chấm dứt hợp đồng lao động ngoại trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT theo quy định Điều lệ này;

i) Đề nghị HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, quản lý của HĐQT nếu người đó không thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và làm ảnh hưởng xấu đến uy tín, lợi ích và sự phát triển của trường;

j) Hằng năm tổ chức đánh giá, phân loại giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động; quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động trong phạm vi thẩm quyền quản lý của Hiệu trưởng;

k) Hiệu trưởng phải thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của HĐQT, của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và Điều lệ này;

l) Chịu trách nhiệm báo cáo trước HĐQT về các hoạt động giáo dục đào tạo và các hoạt động khác được giao. Trong trường hợp cần thiết Hiệu trưởng có quyền bảo lưu ý kiến về các vấn đề chuyên môn theo nhiệm vụ được giao;

m) Cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo cho người học theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

5. Trong trường hợp cần thiết HĐQT có thể tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm đối với Hiệu trưởng giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất.

Hiệu trưởng có thể bị HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không thực hiện nghị quyết của HĐQT hoặc không chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của HĐQT dẫn đến hậu quả là Trường không đạt được kế hoạch giáo dục và đào tạo, kế hoạch tài chính, kế hoạch trả cổ tức trong 02 năm liên tiếp (trừ trường hợp sự chỉ đạo của HĐQT có căn cứ cho thấy không đúng quy định pháp luật);

b) Không giữ vững được sự đoàn kết nội bộ trong Trường làm ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và bền vững của Trường, uy tín bị giảm sút.

ĐIỀU 50. PHÓ HIỆU TRƯỞNG

1. Phó Hiệu trưởng do HĐQT ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Phó Hiệu trưởng có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Giúp việc cho Hiệu trưởng quản lý và điều hành các hoạt động của Trường; chấp hành sự phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao;

b) Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo quyết định bổ nhiệm hoặc ủy quyền của HĐQT.

c) Khi giải quyết các công việc được HĐQT hoặc Hiệu trưởng giao, Phó Hiệu trưởng thay mặt HĐQT hoặc Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước HĐQT, Hiệu trưởng và trước pháp luật về công việc được giao.

3. Phó Hiệu trưởng phải là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; đã có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm công tác giảng dạy hoặc tham gia công tác quản lý giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp; có đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao; có uy tín và năng lực quản lý.

4. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được HĐQT xem xét bổ nhiệm lại theo quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 51. BAN KIỂM SOÁT (hoặc BKS)

1. Trường hợp Trường có Ban kiểm soát thì: Ban kiểm soát của Trường có từ 03 thành viên do ĐHCĐ bầu ra; nhiệm kỳ của Kiểm soát viên (KSV) không quá 05 năm; KSV có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên BKS phải là cổ đông của Trường, thường trú tại Việt Nam và không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị phạt tù. Thành viên BKS cũng không được là thành viên HĐQT, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng và đồng thời không phải là cha, mẹ, vợ, chồng hoặc con đẻ của những người nêu trên.

3. BKS có nhiệm vụ giám sát, kiểm tra các hoạt động của Trường. BKS bầu một thành viên làm Trưởng ban; nhiệm kỳ BKS cùng với nhiệm kỳ của HĐQT.

ĐIỀU 52. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành hoạt động Trường.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động giáo dục, đào tạo, tuyển sinh và trong các hoạt động kinh tế khác của Trường; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của Trường.

4. Trình báo cáo tại cuộc họp ĐHCĐ về các hoạt động của Trường;

5. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Trường.

6. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Hiệu trưởng vi phạm nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo quy định điều này, BKS được quyền yêu cầu HĐQT, Hiệu trưởng và các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu về hoạt động của Trường khi thực hiện nhiệm vụ. Việc yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu của BKS không được gây cản trở các hoạt động của HĐQT và gây gián đoạn, khó khăn cho các hoạt động của Trường.

8. Ban kiểm soát phải tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội cổ đông.

ĐIỀU 53. MIỄN NHIỆM, BỎ NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp có lý do chính đáng hoặc trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp nhận.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;
- c) Theo quyết định của Đại hội cổ đông.

ĐIỀU 54. HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

1. Hội đồng tư vấn của Trường có thể bao gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Trưởng khoa, một số Trưởng phòng, các giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, giảng viên của Trường, nhà khoa học, quản lý giáo dục đào tạo và đại diện một số tổ chức kinh tế - xã hội ở ngoài Trường quan tâm và am hiểu về giáo dục đại học, cao đẳng.

2. Hội đồng tư vấn được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng và do Hiệu trưởng hoặc một nhà khoa học có uy tín làm Chủ tịch. Nhiệm kỳ của Hội đồng tư vấn theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

3. Hội đồng tư vấn là tổ chức tư vấn cho Hiệu trưởng về:

- a) Quy hoạch về chiến lược, kế hoạch phát triển Trường, mục tiêu, chương trình đào tạo, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hằng năm về đào tạo, khoa học và công nghệ;
- b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ, nhân viên cơ hữu của Trường;
- c) Triển khai, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà trường theo quy định pháp luật.

4. Các thành viên Hội đồng tư vấn của Trường được quyền kiến nghị về kế hoạch và nội dung công việc của Hội đồng.

5. Tùy theo điều kiện và nhu cầu công việc cụ thể của Trường, Hội đồng tư vấn có thể họp 06 tháng một lần hoặc do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

6. Các quyết định của Hội đồng tại các phiên họp của Hội đồng phải được thông báo tới các Phòng, Ban và Viện.

ĐIỀU 55. CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG

1. Các Phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Chủ tịch HĐQT và Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc chủ yếu của Trường: Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp, Tuyển sinh và truyền thông, Đào tạo và Quản lý khoa học, Công tác chính trị, Quản lý học sinh sinh viên, Tài chính – Kế toán, Quan hệ quốc tế...

2. Người đứng đầu các Phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi báo cáo và được sự nhất trí của HĐQT (trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm).

- Giúp việc cho Trưởng phòng có các Phó trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng phòng.

- Nhiệm kỳ của Trưởng phòng, Phó trưởng phòng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể bổ nhiệm lại.

ĐIỀU 56. CÁC KHOA, VIỆN, TRUNG TÂM TRỰC THUỘC TRƯỜNG

1. Khoa, Viện, Trung tâm trực thuộc Trường là đơn vị quản lý hành chính cơ sở của Trường và có các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành nghề; tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Trường;

b) Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức kinh tế, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất-kinh doanh và đời sống xã hội;

c) Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học thuộc Khoa, Viện, Trung tâm theo phân cấp của Hiệu trưởng;

d) Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học;

đ) Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do Hiệu trưởng giao. Nghiên cứu và cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy – học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học;

e) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ nhân viên thuộc Khoa, Viện, Trung tâm.

2. Trên cơ sở kế hoạch phát triển của Trường, HĐQT quyết định thành lập và giải thể các Khoa, Viện, Trung tâm theo đề nghị của Hiệu trưởng.

3. Người đứng đầu các Khoa, Viện, Trung tâm do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua. Giúp việc Trường khoa, Viện trưởng, Giám đốc Trung tâm có các Phó Trường khoa, Phó viện trưởng, Phó giám đốc do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của cấp trưởng. Nhiệm kỳ của Trường khoa và Phó Trường khoa, Viện trưởng và Phó viện trưởng, Giám đốc và Phó giám đốc theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Trường khoa và Phó trường khoa, Viện trưởng và Phó viện trưởng, Giám đốc và Phó giám đốc trung tâm được lựa chọn bổ nhiệm trong số các giảng viên có uy tín, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý. Trường khoa và Viện trưởng có học vị từ Đại học chuyên ngành trở lên.

5. Trong các Khoa có Hội đồng tư vấn của Khoa. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tư vấn của Khoa do Hiệu trưởng quy định.

ĐIỀU 57. CÁC BỘ MÔN

1. Bộ môn là đơn vị cơ sở về đào tạo, khoa học và công nghệ của Trường, chịu trách nhiệm về học thuật trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn và đề nghị của Trường khoa, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập, giải thể và quy định nhiệm vụ cụ thể của Bộ môn. Bộ môn hoạt động theo quy chế do Hiệu trưởng quy định.

2. Bộ môn có các nhiệm vụ sau đây:

- a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy, học tập của một số môn học trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Trường, của Khoa;
- b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên ngành đào tạo và môn học được Khoa và Trường giao;
- c) Nghiên cứu, cải tiến phương pháp giảng dạy, tổ chức các hoạt động học thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;
- d) Tiến hành nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cung ứng các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của Trường và Khoa giao; chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội để tạo nguồn thu và bổ sung nguồn tài chính cho trường;
- đ) Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học của Bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thuộc chuyên ngành;
- e) Chủ trì việc đào tạo chuyên ngành cho một hoặc một số chuyên ngành;
- g) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của Bộ môn.

3. Trường bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức trên cơ sở đề nghị của Trường khoa sau khi đã tham khảo ý kiến của các giảng viên trong Bộ môn. Nhiệm kỳ của Trường bộ môn là 05 năm và có thể bổ nhiệm lại.

ĐIỀU 58. CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÁC CƠ SỞ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TRƯỜNG

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ trong trường gồm có: Các tổ chức nghiên cứu và phát triển; các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được thành lập và hoạt động theo Luật Khoa học và Công nghệ, thực hiện các nhiệm vụ đã được quy định trong Điều lệ này.

2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trong Trường được thành lập gắn với nhiệm vụ đào tạo của Trường và hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ sở phục vụ đào tạo khác.

a) Trường có Trung tâm thông tin tư liệu phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Trung tâm thông tin tư liệu có trách nhiệm: quản lý, bổ sung và cung cấp các nguồn thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực hoạt động của Trường. Thu thập và bảo quản sách, tạp chí, băng, đĩa, các luận án đã bảo vệ tại Trường, các ấn phẩm của Trường và các tài liệu lưu trữ khác. Hướng dẫn và quản lý công tác quyền sở hữu trí tuệ của Trường. Trung tâm thông tin tư liệu hoạt động theo Quy chế do Hiệu trưởng ban hành và quy định của Nhà nước.

Ngoài ra, Trường còn có thể có các Trung tâm khác như: Trung tâm ngôn ngữ và văn hóa, Tư vấn du học, Ngoại ngữ và tin học;

b) Trường còn có cơ sở đào tạo ở một số địa phương, các đơn vị phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, phù hợp với điều kiện phát triển của Trường;

c) Trường có cơ sở đào tạo, liên kết đào tạo trong và ngoài nước.

ĐIỀU 59. BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG

1. Ban quản lý dự án xây dựng Trường chịu sự quản lý trực tiếp của HĐQT, do HĐQT ra quyết định thành lập, giải thể khi cần thiết. Ban quản lý dự án xây dựng Trường có nhiệm vụ giúp HĐQT tổ chức quản lý và thực hiện công tác đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất cho Nhà trường, đảm bảo đúng tiến độ, kỹ - mỹ thuật, chất lượng công trình, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư xây dựng công trình của Nhà nước.

2. Ban quản lý dự án xây dựng Trường chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật theo nhiệm vụ và quyền hạn mà Ban quản lý dự án được giao. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án sẽ do HĐQT quy định và phù hợp với pháp luật về xây dựng.

3. Trường ban quản lý dự án xây dựng do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 60. TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của Trường hoạt động theo Điều lệ Đảng và các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam và theo quy định của Hiến pháp, pháp luật.

- Các tổ chức đoàn thể của Trường hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức.

ĐIỀU 61. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TRƯỜNG

Trường chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của UBND nơi trường đặt trụ sở hoặc UBND địa phương nơi Trường đặt cơ sở.

ĐIỀU 62. BÁO CÁO HÀNG NĂM

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình hoạt động đào tạo và sản xuất - kinh doanh của Trường;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Trường.

2. Trường hợp theo quy định của pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của Trường phải được kiểm toán trước khi trình ĐHCĐ xem xét, thông qua.

3. Trường hợp Trường có BKS thì: các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHCĐ.

4. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Trường chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHCĐ.

CHƯƠNG IV

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI HỌC

ĐIỀU 63. NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Nhà giáo (Giảng viên), người lao động (gọi chung là người lao động) làm việc cho Trường, được mời hoặc tuyển dụng theo sự thỏa thuận bằng hợp đồng giữa người lao động và Hiệu trưởng (được gọi là người sử dụng lao động). Tùy theo tính chất công việc, Hiệu trưởng có thể sử dụng một trong các loại hợp đồng lao động sau đây:

- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn;
- Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng;
- Hợp đồng lao động theo công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng;

Hợp đồng lao động được ký kết trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động, thời gian thử việc đối với lao động có chuyên môn kỹ thuật cao không quá 180 ngày, người lao động khác không quá 60 ngày. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc không thấp hơn 85% mức lương cấp bậc của công việc đó.

2. Việc chấm dứt hợp đồng lao động và giải quyết các vấn đề khác liên quan đến Hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

3. Người lao động khi bị Hiệu trưởng chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn có quyền gửi đơn khiếu nại đến Hội đồng quản trị để được xem xét giải quyết.

4. Nhà trường sẽ tạo mọi điều kiện thích hợp và đáp ứng tối đa các yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu của các giáo sư, nhà giáo, trợ giảng để họ có thể giảng dạy và nghiên cứu có hiệu quả.

5. Những người lao động làm việc tích cực, gắn bó lâu dài với Trường sẽ được xem xét ưu tiên mua cổ phần do người khác nhượng lại hoặc được mua cổ phần mới do Trường phát hành.

6. Đối với các giáo sư, nhà giáo, các nhà khoa học tận tụy trong giảng dạy, trong nghiên cứu, có các sáng kiến đóng góp xây dựng Trường, tạo cho Trường có uy tín đối với đất nước và quốc tế sẽ được HĐQT xem xét tặng thưởng cổ phần danh dự.

7. Tất cả những người lao động phải tuân theo Điều lệ này và Quy chế của Trường; không sử dụng phương tiện giáo dục của Trường và thực hiện các hành động có hại đến uy tín của Trường và quốc gia.

ĐIỀU 64. NHÀ GIÁO TRONG TRƯỜNG

1. Nhà giáo trong Trường bao gồm nhà giáo dạy lý thuyết, nhà giáo dạy thực hành và nhà giáo vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành và được gọi chung là nhà giáo.

2. Nhà giáo phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có phẩm chất, đạo đức và tư tưởng tốt;
- b) Đạt trình độ chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ;

- c) Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- d) Lý lịch bản thân trong sạch, không vi phạm pháp luật, không có các vi phạm về chuẩn mực, đạo đức của nhà giáo.

3. Nhiệm vụ của Nhà giáo:

- a) Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục;
- b) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật; chấp hành đầy đủ các quy chế, nội quy, quy định và Điều lệ của Trường;
- c) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học; đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;
- d) Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học;
- đ) Thực hiện chế độ làm việc của giảng viên do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành;
- e) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyền hạn của giảng viên

- a) Được bố trí giảng dạy theo chuyên ngành, nghề được đào tạo; được lựa chọn phương pháp, phương tiện giảng dạy nhằm phát huy năng lực cá nhân, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; được đảm bảo trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- b) Được hưởng lương, phụ cấp và các chính sách khác theo quy định của pháp luật;
- c) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy theo kế hoạch và điều kiện của Nhà trường;
- d) Được bảo vệ danh dự, nhân phẩm; được thảo luận, góp ý về các vấn đề liên quan đến quyền lợi của nhà giáo; được nghỉ hè, nghỉ học kỳ, nghỉ lễ, tết, nghỉ hàng tuần và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật;
- đ) Được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở giáo dục khác và cơ sở nghiên cứu khoa học với điều kiện vẫn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ chương trình, kế hoạch giảng dạy do Trường giao.

ĐIỀU 65. ĐỐI TƯỢNG DỰ TUYỂN VÀO TRƯỜNG

1. Mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài nếu đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này thì đều có quyền đăng ký dự tuyển theo thông báo của Trường.
2. Người được tuyển vào học tại Trường phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng như các quy định của Trường.

ĐIỀU 66. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI HỌC

1. Người học là người đang theo học các chương trình giáo dục, giáo dục nghề nghiệp tại Trường hoặc tại các cơ sở giáo dục, đào tạo do Trường thành lập, bao gồm: Sinh viên của chương trình đào tạo cao đẳng; học sinh của chương trình đào tạo trung cấp và chương trình đào tạo sơ cấp; học viên của chương trình đào tạo thường xuyên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Người học có nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của Trường đã đề ra;

b) Tuân thủ pháp luật của Nhà nước, thực hiện nội quy, quy chế của nhà Trường;

c) Tôn trọng giáo viên, cán bộ quản lý và người lao động của Trường; đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện;

d) Tham gia lao động và hoạt động xã hội, nghiên cứu khoa học phù hợp với sức khỏe và năng lực bản thân; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội;

đ) Giữ gìn, bảo vệ tài sản của Trường; trường hợp người học làm hư hỏng, làm mất tài sản thì phải bồi thường;

e) Phải đảm bảo việc chi trả dịch vụ đào tạo và lệ phí theo quy định;

f) Thực hiện nếp sống văn minh, lành mạnh; tham gia xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của Trường;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người học có các quyền sau đây:

a) Được Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về việc học của mình;

b) Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong và ngoài nước;

c) Sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục thể thao của Trường;

d) Trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với Nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng Trường, bảo vệ quyền, lợi ích của người học;

đ) Người học là người dân tộc thiểu số ở vùng cao và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người có hoàn cảnh mồ côi không nơi nương tựa, người tàn tật có khó khăn về kinh tế sẽ được Trường xem xét miễn, giảm học phí.

CHƯƠNG V

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HỢP TÁC QUỐC TẾ

ĐIỀU 67. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

1. Ngôn ngữ chính thức giảng dạy của Trường là tiếng Việt: Trong những chương trình hợp tác với nước ngoài, chương trình đào tạo ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài hoặc một số ngành học khác có thể giảng dạy trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, tiếng

dân tộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Trường được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cho phép mở các ngành đào tạo cao đẳng đã có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước; tổ chức tuyển sinh phù hợp với quy mô của Trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt.

3. Trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo của Trường trên cơ sở chương trình khung do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

4. Trường thực hiện việc tuyển sinh, quản lý quá trình giáo dục đào tạo, kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, cấp chứng chỉ theo các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 68. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Trường thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo của Trường theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Trường được thành lập các Viện, Trung tâm nghiên cứu và phát triển, các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Việc tổ chức quản lý hệ thống thông tin tư liệu, phát hành tập san, tạp chí và các ấn phẩm khoa học, giáo trình, tài liệu phục vụ cho các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và các quy định khác của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. Trường tổ chức xây dựng kế hoạch hằng năm, kế hoạch trung hạn và dài hạn về hoạt động khoa học và công nghệ của Trường, báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Khoa học và Công nghệ.

ĐIỀU 69. HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Trường thực hiện các nhiệm vụ về hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo định hướng hiện đại, tiếp cận với nền giáo dục nghề nghiệp tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, khả năng thực hành tốt, góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế, Trường được mời các Giáo sư, các nhà khoa học, chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cử cán bộ, nhà giáo và người học đi tham quan, giảng dạy, học tập ở nước ngoài theo quy định.

3. Trường thực hiện hợp tác quốc tế chủ yếu thông qua các hình thức sau đây:

a) Liên kết đào tạo;

b) Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, các Trung tâm ngôn ngữ và văn hóa hoặc Trung tâm khác theo quy định;

c) Hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị và hội thảo khoa học; Bồi dưỡng, trao đổi nhà giáo, cán bộ quản lý...; Trao đổi thông tin phục vụ hoạt động giáo dục – đào tạo, cung ứng chương trình đào tạo...

d) Mở văn phòng đại diện của Trường ở nước ngoài theo quy định;

CHƯƠNG VI

CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 70. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, HIỆU TRƯỞNG

1. Trường có quyền trả thù lao cho thành viên HĐQT, trả lương cho Hiệu trưởng và người quản lý khác theo kết quả công việc, hiệu quả hoạt động giáo dục - đào tạo và các hoạt động kinh tế khác.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Hiệu trưởng được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên HĐQT, Hiệu trưởng có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Hiệu trưởng được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Hiệu trưởng do HĐQT quyết định.

3. Thù lao của thành viên HĐQT, tiền lương của Hiệu trưởng và người quản lý khác được tính vào chi phí hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 71. THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

Tiền lương và quyền lợi khác của kiểm soát viên thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHCĐ. ĐHCĐ quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được ĐHCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

TÀI CHÍNH

ĐIỀU 72. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH

1. Trường hoạt động theo nguyên tắc các cổ đông (người đầu tư) tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính, tự cân đối thu - chi, thực hiện các quy định của pháp luật về

chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, thống kê, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Trường được quyền vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất cung ứng dịch vụ.

3. Trường được Nhà nước cung cấp kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng.

ĐIỀU 73. NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA TRƯỜNG

Tài chính hoạt động hằng năm của Trường được hình thành từ các nguồn sau đây:

1. Nguồn vốn góp của các cổ đông sáng lập hoặc cổ đông góp vốn của Trường và nguồn tài chính được bổ sung từ kết quả hoạt động hằng năm.

2. Học phí, lệ phí và phí đào tạo khác thu từ người học theo mức thu do Trường tự xây dựng dựa trên nguyên tắc đảm bảo thu đủ bù đắp chi phí giáo dục - đào tạo, phù hợp với chất lượng đào tạo và được xã hội chấp nhận.

3. Nguồn thu từ các hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất - kinh doanh và dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Lãi từ tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng thương mại.

5. Nguồn thu từ các khoản đầu tư, nhận tài trợ, nhận viện trợ, ủng hộ, quà tặng (bằng tiền, bằng hiện vật hoặc tài sản khác) của các cá nhân trong và ngoài nước.

6. Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân khác.

8. Nguồn thu từ Ngân sách nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao.

7. Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 74. NỘI DUNG CHI

1. Chi cho hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng công nghệ, phục vụ giảng dạy và học tập.

2. Chi cho xây dựng, đầu tư mở rộng cơ sở vật chất của Trường.

3. Chi cho hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh, thương mại của Trường phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Chi tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động của Trường theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản chi cho đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường.

6. Chi cho công tác quản lý hành chính.

7. Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, mua sắm tài sản, bảo trì và sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất, tài sản cố định, trang thiết bị và đồ dùng dạy học hằng năm cho Nhà trường.

8. Chi cho hoạt động quảng cáo, hoạt động Marketing, hoạt động tuyển sinh, kêu gọi và xúc tiến đầu tư (gồm cả hợp tác đầu tư trong nước và đầu tư với nước ngoài).

9. Các khoản chi cho người học: Chi cho khen thưởng, chi cho học bổng (khoản chi này sẽ tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của Nhà trường).

10. Trích khấu hao tài sản cố định.

11. Chi cho các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.

12. Chi trả vốn vay và lãi vốn vay.

13. Chi cho các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

14. Các khoản chi khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 75. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

1. Trường thực hiện các quy định về nguồn tài chính; giá dịch vụ đào tạo, lệ phí tuyển sinh; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; quản lý và sử dụng tài chính, tài sản theo quy định tại các Điều 28,29,30 và 31 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và quy định tại Điều lệ này.

2. Trường quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật đối với đất đai và các tài sản được Nhà nước giao hoặc cho thuê và các tài sản khác thuộc sở hữu của nhà đầu tư để đảm bảo hoạt động giáo dục - đào tạo của trường.

3. Hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo các hoạt động tài chính cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính tại địa phương theo quy định.

4. Mọi thành viên trong trường đều có trách nhiệm, nghĩa vụ gìn giữ, bảo vệ tài sản của Nhà trường.

5. Dự toán và quyết toán hằng năm của Trường sẽ do Hiệu trưởng, Trường ban quản lý dự án, Giám đốc các cơ sở sản xuất - kinh doanh, các Trung tâm, các đơn vị trực thuộc HĐQT trình HĐQT phê duyệt.

6. Định kỳ hằng năm, Nhà trường sẽ thực hiện việc kiểm kê tài sản, đánh giá lại giá trị. Nhà trường có thể tự quy định tỷ lệ khấu hao nhanh các tài sản cố định để thu hồi vốn với điều kiện là sau khi khấu hao thì kết quả hoạt động của Nhà trường vẫn có lãi và mức trích khấu hao không được vượt quá mức trích khấu hao tối đa theo quy định của pháp luật. Trường sẽ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở pháp lý điều hành hoạt động tài chính của trường, báo cáo HĐQT quyết định theo thẩm quyền.

7. Toàn bộ các tài sản của Trường đều thuộc sở hữu của các cổ đông, được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật, trừ các tài sản được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định.

8. Trường thực hiện chế độ công khai tài chính và chấp hành việc kiểm tra tài chính thường niên hoặc đột xuất. Nghiêm chỉnh chấp hành việc kiểm tra của Cơ quan tài chính về việc sử dụng tài chính và tình hình tăng, giảm tài sản, nguồn vốn của Trường.

ĐIỀU 76: THU NHẬP VÀ SỬ DỤNG THU NHẬP

Tổng thu nhập của Trường sau khi đã trừ đi các khoản chi phí cần thiết cho hoạt động của Trường theo quy định tại Điều 74 của Điều lệ này, số còn lại sẽ được sử dụng như sau:

1. Thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước.
2. Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo nghị quyết của HĐQT và được ĐHCĐ thông qua quy định tại Điều 77 của Điều lệ này
3. Phần thu nhập còn lại sẽ được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

HQĐT có trách nhiệm đưa ra kế hoạch về thu nhập và sử dụng thu nhập hàng năm và của toàn nhiệm kỳ bao gồm cả định mức nộp nghĩa vụ Ngân sách, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông để trình ĐHCĐ quyết định.

ĐIỀU 77. THỂ LỆ QUYẾT TOÁN, TRẢ CỔ TÚC VÀ LẬP QUỸ

1. Năm quyết toán tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Trường phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được ĐHCĐ thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan chủ quản theo quy định.

2. Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do HĐQT Trường quyết định sau khi đã được ĐHCĐ thông qua. Hằng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

- a) Quỹ phúc lợi tập thể: 05%
- b) Quỹ đầu tư và phát triển Trường: 10 %
- c) Quỹ Dự phòng tài chính: 10%. Khi số dư của quỹ bằng 25% tổng số vốn Điều lệ Nhà trường thì sẽ tạm không trích lập thêm nữa. Việc trích lập dự phòng hằng năm chỉ được tiếp tục thực hiện khi số dư của quỹ ở dưới mức 25% đã nêu.
- d) Quỹ khen thưởng: 05%

3. Trả cổ tức: Việc trả cổ tức thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII

CON DẤU CỦA TRƯỜNG

ĐIỀU 78. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CON DẤU

1. Con dấu Trường sử dụng phải phù hợp về hình thức, nội dung theo quy định pháp luật và phải thể hiện những thông tin sau đây:

- a) Tên Trường;
 - b) Tên cơ quan chủ quản.
2. Trước khi sử dụng, Trường phải thực hiện việc đăng ký mẫu dấu, thông báo mẫu con dấu với cơ quan có thẩm quyền để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử chính thức của cơ quan đó.

3. Con dấu là tài sản của Trường. Con dấu phải được quản lý chặt chẽ, được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Trường. Nếu mang con dấu ra khỏi trụ sở chính phải có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch HĐQT.

4. Chủ tịch HĐQT giao con dấu cho người phụ trách công tác văn thư của Trường quản lý, sử dụng. Khi người được giao trực tiếp quản lý và sử dụng con dấu đi công tác hoặc nghỉ việc riêng thì phải bàn giao lại dấu cho Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền để Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền bàn giao con dấu cho người khác quản lý. Việc bàn giao phải lập văn bản.

5. Khi sử dụng con dấu để đóng vào các văn bản, giấy tờ phải đúng quy định của pháp luật. Con dấu được sử dụng trong các văn bản chỉ đạo hoạt động quản lý, điều hành; trên các văn bằng, chứng chỉ do Nhà trường cấp theo quy định pháp luật; trong hoạt động tổ chức sản xuất, dịch vụ của Trường; trong các giấy tờ giao dịch hoặc hợp đồng với các cơ quan Nhà nước, với các tổ chức và cá nhân khác.

6. Chủ tịch HĐQT và Hiệu trưởng của Trường có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu của Trường trong các lĩnh vực mà mình phụ trách theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Trường.

7. Trường hợp cần thiết để giải quyết công việc ở xa trụ sở Trường thì Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Trường hoặc người được ủy quyền hợp pháp có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi trụ sở Trường.

8. Trường hợp bị mất con dấu, người được giao quản lý trực tiếp phải báo cáo ngay cho người có thẩm quyền để lập biên bản và trong thời hạn 02 ngày phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận mẫu dấu và cơ quan công an xã, phường, thị trấn nơi mất dấu biết.

- Trường hợp bị mất hoặc bị hỏng giấy chứng nhận mẫu dấu thì phải thực hiện thủ tục cấp lại hoặc đổi lại giấy chứng nhận đã bị mất, hỏng và nộp lại giấy chứng nhận đã được cấp trước đó.

- Toàn bộ các tài liệu liên quan đến đăng ký mới, đăng ký lại, đăng ký thêm mẫu con dấu và các hồ sơ có liên quan đến con dấu hoặc giao nộp, thu hồi, hủy con dấu của Nhà trường bộ phận văn thư đều phải lưu trữ đầy đủ.

CHƯƠNG IX

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN

ĐIỀU 79. CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP TRƯỜNG

Việc chia, tách, sáp nhập Trường phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển nhân lực của đất nước, ngành, địa phương;

2. Phải có phương án rõ ràng để bảo đảm quyền lợi của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; kế hoạch,

thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện việc chia, tách, sáp nhập; thủ tục và thời hạn chuyển đổi tài sản, chuyển đổi vốn góp;

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới được hình thành sau quá trình chia, tách, sáp nhập phải đáp ứng đủ các điều kiện mà pháp luật hiện hành quy định.

4. Có biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trường và đã được ĐHCĐ thông qua việc chia, tách, sáp nhập Trường.

ĐIỀU 80. CÁC TRƯỜNG HỢP VÀ ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ TRƯỜNG

1. Nhà trường bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định của pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng;

b) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động đào tạo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ;

c) Không được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp sau thời hạn 36 tháng đối với trường cao đẳng kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập có hiệu lực;

d) Không triển khai hoạt động đào tạo sau thời hạn 24 tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Trường giải thể theo Nghị quyết của ĐHCĐ.

3. Quyết định giải thể Trường phải xác định rõ lý do giải thể, các biện pháp bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà giáo, viên chức, người học và người lao động. Quyết định giải thể Trường phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

4. Nhà trường chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đối với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các cá nhân và tổ chức liên quan (nếu có). Ngoài ra, Trường không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

ĐIỀU 81. THỦ TỤC GIẢI THỂ TRƯỜNG

Trường hợp ĐHCĐ quyết định việc giải thể Trường thì toàn bộ trình tự thủ tục của việc giải thể; thủ tục thanh lý tài sản; giải quyết công nợ và nghĩa vụ tài chính với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hay với các đối tác; giải quyết quyền lợi cho nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động và người học; trình tự thủ tục báo cáo cơ quan chủ quản khi tiến hành giải thể sẽ được thực hiện theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định pháp lý có liên quan khác.

ĐIỀU 82. CÁC HOẠT ĐỘNG BỊ CẤM TỪ KHI CÓ QUYẾT ĐỊNH GIẢI THỂ

Kể từ khi có quyết định giải thể Trường, nghiêm cấm Trường, người quản lý của Trường thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Cất giấu, tẩu tán tài sản;

2. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;

3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Trường;

4. Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể Trường;
5. Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản của Trường;
6. Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
7. Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

ĐIỀU 83. PHÁ SẢN TRƯỜNG

Việc phá sản Trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

ĐIỀU 84. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa các cổ đông, giữa cổ đông với HĐQT, giữa cổ đông với Trường thì biện pháp thương lượng và hoà giải sẽ được ưu tiên giải quyết. Trong trường hợp sau khi đã áp dụng các biện pháp trên mà tranh chấp không được giải quyết, bên có quyền lợi bị xâm phạm sẽ khởi kiện ra toà án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC

ĐIỀU 85. THANH TRA, KIỂM TRA

Trường có trách nhiệm tổ chức, thực hiện việc tự kiểm tra các hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 86. CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ CÁC TÀI LIỆU

1. Tài liệu của Trường lưu giữ gồm có:
 - Hồ sơ hình thành đề án tiền khả thi, đề án khả thi;
 - Văn bản thông qua chủ trương thành lập Trường;
 - Quyết định thành lập Trường;
 - Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động và các Quy chế khác;
 - Sổ đăng ký cổ đông;
 - Các tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Nhà trường;
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các hợp đồng thuê đất, các quyết định của địa phương về việc giao đất, công nhận quyền sử dụng đất;
 - Hồ sơ xây dựng Trường gồm: bản vẽ thiết kế, hồ sơ thi công, hồ sơ tư vấn, giám sát, thẩm định và các giấy tờ liên quan khác;
 - Bản nghiệm thu các công trình khoa học;
 - Bản cáo bạch để phát hành cổ phiếu, trái phiếu;
 - Kết luận của cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý Nhà nước; tổ chức kiểm toán;
 - Sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
 - Hồ sơ quản lý đào tạo theo quy định;
 - Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và Quy chế của Nhà trường./.
2. Nhà trường phải lưu giữ các tài liệu trên tại trụ sở chính của Nhà trường hoặc một nơi khác theo quyết định của HĐQT.

ĐIỀU 87. TRÁCH NHIỆM VỀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Trường không được phép cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa hoặc sử dụng cơ sở vật chất của Trường để tiến hành các hoạt động bất hợp pháp, không đúng với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Nhà trường.

ĐIỀU 88. THÀNH LẬP VÀ ĐỔI TÊN TRƯỜNG

Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội có thể được nâng cấp lên bậc Đại học hoặc đổi tên Trường theo yêu cầu phát triển. Mọi phí tổn liên quan đến việc nâng cấp, đổi tên Trường đều được tính vào chi phí hoạt động của Trường.

ĐIỀU 89. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Trường phải được Đại hội cổ đông thông qua.

2. Điều lệ này được lập thành 10 chương với 89 điều, được xây dựng dựa trên Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Nghề nghiệp năm 2014, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành của các Luật nêu trên. Điều lệ đã được HĐQT và toàn thể các cổ đông thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2023 theo hình thức biểu quyết bằng văn bản.

Bản Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ĐHCĐ thông qua và được HĐQT ký quyết định ban hành, thay thế bản Điều lệ của Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội đã được ban hành tại Quyết định số 82/QĐ-CTHN ngày 05/03/2018.

3. Những điều khoản không được đề cập hoặc ghi nhận trong Điều lệ này thì áp dụng theo quy định của các văn bản pháp luật có liên quan.

4. HĐQT có trách nhiệm xây dựng và sửa đổi các Quy chế hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể căn cứ trên các quy định đã được ghi tại Điều lệ này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đoàn Xuân Viên

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	Trang
Điều 1. Hình thức, tên gọi và địa chỉ trụ sở	2
Điều 2. Quá trình hình thành và địa vị pháp lý của Trường	2
Điều 3. Mục tiêu và Sứ mạng của Trường	3
Điều 4. Nhiệm vụ của Trường	3
Điều 5. Quyền hạn của Trường	4
Điều 6. Trách nhiệm của Trường	5
Chương II. CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	
Điều 7. Vốn điều lệ của Nhà trường	6
Điều 8. Cơ cấu và phương thức huy động vốn	6
Điều 9. Thay đổi vốn điều lệ	6
Điều 10. Cổ phần	7
Điều 11. Các loại cổ phần	7
Điều 12. Cổ phiếu	8
Điều 13. Cổ đông	8
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông	9
Điều 15. Quyền của cổ đông	9
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	11
Điều 17. Chào bán cổ phần	11
Điều 18. Bán cổ phần	13
Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 20. Phát hành trái phiếu	13
Điều 21. Mua cổ phần, trái phiếu	14
Điều 22. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	14
Điều 23. Mua lại cổ phần theo quyết định của Nhà trường	14
Điều 24. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại	15
Điều 25. Trả cổ tức	15
Chương III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	
Điều 26. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Trường	16
Điều 27. Đại diện theo pháp luật của Trường	17
Điều 28. Nghĩa vụ của người quản lý của Trường	17
Điều 29. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận	17
Điều 30. Đại hội cổ đông	18
Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHCĐ	19
Điều 32. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ	20
Điều 33. Chương trình và nội dung họp ĐHCĐ	21

Điều 34. Mời họp ĐHCĐ	21
Điều 35. Quyền dự họp ĐHCĐ	22
Điều 36. Điều kiện tiến hành họp ĐHCĐ	22
Điều 37. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại ĐHCĐ	22
Điều 38. Thông qua quyết định của ĐHCĐ	24
Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc hình thức khác để thông qua quyết định ĐHCĐ	24
Điều 40. Biên bản họp ĐHCĐ	26
Điều 41. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHCĐ	26
Điều 42. Hội đồng quản trị	27
Điều 43. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT	29
Điều 44. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	29
Điều 45. Chủ tịch HĐQT	30
Điều 46. Cuộc họp HĐQT	31
Điều 47. Biên bản họp HĐQT	32
Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT	33
Điều 49. Hiệu trưởng	33
Điều 50. Phó Hiệu trưởng	35
Điều 51. Ban kiểm soát	36
Điều 52. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	36
Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	36
Điều 54. Hội đồng tư vấn	37
Điều 55. Các phòng chức năng	37
Điều 56. Các khoa trực thuộc Trường	38
Điều 57. Các bộ môn	38
Điều 58. Các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở phục vụ đào tạo và cơ sở sản xuất kinh doanh của Trường	39
Điều 59. Ban quản lý dự án xây dựng Trường	40
Điều 60. Tổ chức Đảng và tổ chức đoàn thể	40
Điều 61. Quản lý nhà nước đối với Trường	40
Điều 62. Báo cáo hằng năm	40
Chương IV. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI HỌC	
Điều 63. Người lao động	41
Điều 64. Nhà giáo trong Trường	41
Điều 65. Đối tượng dự tuyển vào Trường	42
Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của người học	43
Chương V: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HỢP TÁC QUỐC TẾ	

Điều 67. Hoạt động đào tạo	43
Điều 68. Hoạt động khoa học và công nghệ	44
Điều 69. Hợp tác quốc tế	44
Chương VI: CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	
Điều 70. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Hiệu trưởng	45
Điều 71. Thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên	45
Chương VII: TÀI CHÍNH	
Điều 72. Chế độ tài chính	45
Điều 73. Nguồn tài chính của Trường	46
Điều 74. Nội dung chi	46
Điều 75. Quản lý và sử dụng tài sản	47
Điều 76. Thu nhập và sử dụng thu nhập	48
Điều 77. Thẻ lệ quyết toán, trả cổ tức và lập quỹ	48
Chương VIII: CON DẤU CỦA TRƯỜNG	
Điều 78. Quản lý và sử dụng con dấu	48
Chương IX: CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ, MỞ CHI NHÁNH VÀ THANH LÝ TÀI SẢN	
Điều 79. Chia, Tách, Sáp nhập Trường	49
Điều 80. Các trường hợp và điều kiện giải thể Trường	50
Điều 81. Thủ tục giải thể Trường	50
Điều 82. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể	50
Điều 83. Phá sản Trường	51
Điều 84. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp	51
Chương X: MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC	
Điều 85. Thanh tra, kiểm tra	51
Điều 86. Chế độ lưu giữ các tài liệu	51
Điều 87. Trách nhiệm và tư cách pháp nhân	52
Điều 88. Thành lập và đổi tên Trường	52
Điều 89. Điều khoản thi hành	52

